PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Nghị quyết số: 1170/2016/NQ-UBTVQH13	

NGHỊ QUYẾT
BAN HÀNH QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA QUỐC HỘI

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;

Căn cứ Tờ trình của Ban soạn thảo;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1.

Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

Điều 2.

Ủy ban thường vụ Quốc hội, thành viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 3.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nghị quyết số 618/NQ-UBTVQH12 ngày 06 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016
TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Sinh Hùng

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA QUỐC HỘI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 1170/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 17 tháng 3 năm 2016 của UBTVQH)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục và điều kiện bảo đảm thực hiện các hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

2. Quy chế này áp dụng đối với Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động đối ngoại* bao gồm các hoạt động đoàn ra, đoàn vào; nhận, tặng các hình thức khen thưởng có yếu tố nước ngoài; gia nhập hoặc rút khỏi tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực; đăng cai, tổ chức hội nghị, hội thảo liên nghị viện thế giới và khu vực; hợp tác quốc tế; tiếp khách quốc tế; trả lời phỏng vấn của phóng viên nước ngoài và đưa tin về hoạt động đối ngoại.

2. *Kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm* là dự kiến các hoạt động đối ngoại đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua.

3. *Hoạt động đối ngoại ngoài kế hoạch đã được duyệt* là hoạt động phát sinh, không có trong Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. *Điều chỉnh hoạt động đối ngoại trong kế hoạch đã được duyệt* là hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng do nhu cầu đột xuất có sự thay đổi, bổ sung, điều chỉnh cơ bản về nội dung, chương trình, thời gian, kinh phí và thành phần tham gia.

Điều 3. Những nguyên tắc chung

Việc thực hiện hoạt động đối ngoại của Quốc hội phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

1. Quán triệt và thực hiện đúng đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật tổ chức Quốc hội, Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của Bộ Chính trị và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động đối ngoại;

2. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước và đối ngoại nhân dân trên cơ sở phân công, phân nhiệm rõ ràng;

3. Tuân thủ chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định và thực hiện nghiêm túc chủ trương thiết thực, tiết kiệm nguồn ngân sách nhà nước và sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ phát triển;

4. Tổ chức, thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội. Việc triển khai hoạt động cụ thể được dựa trên nguyên tắc đối đẳng, có đi có lại trong quan hệ quốc tế. Đối với những trường hợp ngoại lệ, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình cấp có thẩm quyền quyết định;

5. Phân công, phân cấp, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức và cá nhân trong các hoạt động đối ngoại của Quốc hội;

6. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chịu trách nhiệm giúp lãnh đạo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội chủ trì phối hợp, điều hòa trong việc triển khai các hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế của Quốc hội.

CHƯƠNG II
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VÀ LÃNH ĐẠO QUỐC HỘI

Mục 1
ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban thường vụ Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Báo cáo Quốc hội những vấn đề thuộc chính sách đối ngoại của Nhà nước liên quan đến quan hệ với Quốc hội các nước, với các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực, với các tổ chức quốc tế khác.

2. Trong thời gian Quốc hội không họp, xem xét báo cáo định kỳ của Chính phủ về công tác đối ngoại; cho ý kiến về những vấn đề thuộc chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước trước khi trình Quốc hội.

3. Quyết định việc gia nhập hoặc rút khỏi tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực; quyết định đăng cai tổ chức hội nghị liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam.

4. Quyết định việc thành lập, quyết định tổ chức và hoạt động của tổ chức nghị sĩ hữu nghị Việt Nam.

5. Thông qua chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xem xét, quyết định dự toán ngân sách hoạt động đối ngoại.

6. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động đối ngoại của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội, các nhóm nghị sĩ hữu nghị, nhóm nữ nghị sĩ, nhóm nghị sĩ trẻ.

7. Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Quốc hội; xem xét báo cáo kết quả chuyến thăm, làm việc của đoàn Quốc hội tại nước ngoài và đoàn Quốc hội nước ngoài, tổ chức quốc tế đến thăm, làm việc với Quốc hội Việt Nam; xem xét báo cáo kết quả các hội nghị quốc tế do Quốc hội đăng cai tổ chức; xem xét báo cáo hoạt động đối ngoại định kỳ của các cơ quan của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội và Văn phòng Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước.

Mục 2
CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Chỉ đạo việc thực hiện công tác đối ngoại của Quốc hội; thay mặt Quốc hội trong quan hệ đối ngoại của Quốc hội; lãnh đạo hoạt động của đoàn Quốc hội Việt Nam tại các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực.

2. Xem xét, quyết định hoạt động đối ngoại của Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc của Quốc hội, Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội là Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Tổng Kiểm toán nhà nước và các đối tượng thuộc diện Ủy ban thường vụ Quốc hội quản lý

3. Xem xét, quyết định chủ trương để cán bộ giữ các chức danh quy định tại khoản 2 Điều này nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng do nước ngoài, tổ chức quốc tế tặng, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

4. Xem xét, quyết định chủ trương đón và nội dung làm việc với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Quốc hội các nước; chủ trương đón Chủ nhiệm Ủy ban và lãnh đạo cấp tương đương của Quốc hội các nước; lãnh đạo các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực thăm, làm việc tại Việt Nam.

5. Chỉ đạo Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trong việc giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội điều hòa, phối hợp và triển khai các hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

6. Quyết định việc tổ chức hội nghị về công tác đối ngoại của Quốc hội khi cần thiết.

Điều 6. Ủy quyền

Chủ tịch Quốc hội có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Quốc hội thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong hoạt động đối ngoại được quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Quy trình triển khai các hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội

1. Việc triển khai chuyến công tác nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chủ trì lấy ý kiến các cơ quan, xây dựng tờ trình về chủ trương, đề án chính trị về chuyến công tác, báo cáo xin ý kiến đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, hoặc Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đối ngoại và trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định;

b) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức đoàn tiền trạm và báo cáo Chủ tịch Quốc hội về các vấn đề liên quan. Thành phần Đoàn tiền trạm gồm đại diện của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và Bộ Tư lệnh cảnh vệ. Trong trường hợp cần thiết để đảm bảo yêu cầu công tác, Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội quyết định bổ sung thành phần của các cơ quan liên quan khác;

c) Văn phòng Quốc hội chủ trì tổ chức triển khai các hoạt động lễ tân phục vụ chuyến công tác. Văn phòng Quốc hội xây dựng đề án lễ tân căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đề án chính trị của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội;

d) Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng Quốc hội, Bộ Ngoại giao và các cơ quan liên quan dự kiến thành phần đoàn chính thức trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định; Ủy ban đối ngoại phối hợp với Văn phòng Quốc hội lập danh sách đoàn cán bộ tùy tùng, nhóm phóng viên đi cùng .

2. Việc đón các đoàn thăm chính thức được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chủ trì xây dựng tờ trình về chủ trương, đề án chính trị. Văn phòng Quốc hội xây dựng đề án lễ tân căn cứ vào nội dung và yêu cầu của đề án chính trị;

b) Đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội hoặc Nhóm nghị sĩ hữu nghị liên quan đón tại sân bay;

c) Thành phần dự lễ đón chính thức, hội đàm hoặc hội kiến, chiêu đãi chính thức Đoàn do Chủ tịch Quốc hội chủ trì gồm đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, đại diện Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội theo đối đẳng, đại diện Văn phòng Quốc hội, nhóm nghị sĩ hữu nghị liên quan, đại biểu Quốc hội;

d) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội hoặc đại diện nhóm nghị sĩ hữu nghị tháp tùng và tiễn đoàn tại sân bay.

3. Việc tiếp khách quốc tế được thực hiện như sau:

a) Đối với đoàn khách của Đảng, Nhà nước thăm chính thức Việt Nam, Đoàn lãnh đạo Quốc hội và đoàn Ủy ban Quốc hội các nước thăm không chính thức, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Chủ tịch Quốc hội kế hoạch tiếp đoàn để phê duyệt.

Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình danh sách các đại biểu tham gia tiếp khách cùng Chủ tịch Quốc hội và đề nghị đại diện Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan hữu quan báo cáo Chủ tịch Quốc hội về tình hình quan hệ hai nước và những vấn đề liên quan đến chuyến thăm của khách;

b) Căn cứ vào kế hoạch đón tiếp đã được phê duyệt, Văn phòng Quốc hội xây dựng kế hoạch lễ tân và tổ chức thực hiện;

c) Chủ tịch Quốc hội tiếp Tổng thống, Thủ tướng, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội hoặc cấp tương đương, có sự tham gia của đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Tổng Thư ký Quốc hội hoặc lãnh đạo Văn phòng Quốc hội và đại diện của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội theo nguyên tắc đối đẳng;

d) Chủ tịch Quốc hội tiếp các đoàn nghị sĩ thuộc các Ủy ban, nhóm nghị sỹ hữu nghị, nhóm nữ nghị sĩ, nhóm nghị sĩ trẻ các nước. Tham dự có đại diện Thường trực Ủy ban tương ứng của Quốc hội Việt Nam hoặc đại diện nhóm nghị sĩ hữu nghị trong trường hợp tiếp đoàn nhóm nghị sĩ;

đ) Chủ tịch Quốc hội tiếp Đại sứ các nước đến chào xã giao, từ biệt nhân dịp bắt đầu nhiệm kỳ, kết thúc nhiệm kỳ hoặc theo yêu cầu công việc. Thành phần tham dự có đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội;

e) Chủ tịch Quốc hội tiếp các đoàn Chủ tịch Quốc hội hoặc cấp tương đương thăm không chính thức hoặc quá cảnh. Thành phần tham dự có đại diện Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội hoặc đại diện Nhóm nghị sĩ hữu nghị liên quan.

4. Đối với các hoạt động đối ngoại khác của Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội phối hợp với Bộ Ngoại giao báo cáo Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định.

Mục 3
CÁC PHÓ CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Chủ tịch Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Thực hiện nhiệm vụ đối ngoại theo sự phân công của Chủ tịch Quốc hội.

2. Đề xuất yêu cầu, nội dung hoạt động đối ngoại hàng năm của mình để Ủy ban đối ngoại của Quốc hội tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cho ý kiến về nội dung, chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội và các hoạt động đối ngoại liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

4. Chủ trì các hoạt động đối ngoại, tiếp đón các đoàn khách quốc tế, các hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc lĩnh vực phụ trách khi có yêu cầu.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch Quốc hội được Chủ tịch Quốc hội ủy quyền trong công tác đối ngoại

1. Quyết định việc cử đoàn cấp Phó Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, người đứng đầu cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội không phải là Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội, cấp Phó cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, cấp Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Tổng thư ký Quốc hội, cấp phó Tổng Kiểm toán nhà nước, đại biểu Quốc hội đi thăm, làm việc tại nước ngoài.

2. Quyết định đón đoàn Quốc hội nước ngoài từ cấp Phó Chủ nhiệm Ủy ban trở xuống.

3. Quyết định chủ trương để cán bộ giữ các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này nhận huân, huy chương và danh hiệu của nước ngoài, tổ chức quốc tế

4. Cho ý kiến về dự án hợp tác quốc tế của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Kiểm toán nhà nước và Văn phòng Quốc hội.

5. Cho ý kiến trước khi trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc phân bổ kinh phí hoạt động đối ngoại hàng năm của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội.

6. Thay mặt Chủ tịch Quốc hội trong các hoạt động đối ngoại khi được Chủ tịch Quốc hội ủy quyền.

Điều 10. Quy trình triển khai các hoạt động đối ngoại của Phó Chủ tịch Quốc hội

1. Việc triển khai chuyến công tác nước ngoài được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình xin ý kiến Phó Chủ tịch Quốc hội tác chủ trương đoàn đi;

b) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Chủ tịch Quốc hội và cấp có thẩm quyền về chủ trương, thành phần đoàn công tác;

c) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội xây dựng và trình Phó Chủ tịch Quốc hội đề án chính trị chuyến công tác;

d) Văn phòng Quốc hội xây dựng và trình Phó Chủ tịch Quốc hội đề án lễ tân theo đề án chính trị của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội;

đ) Thành phần đoàn không quá 12 người, trường hợp đặc biệt do Phó Chủ tịch Quốc hội quyết định.

2. Việc đón các đoàn thăm chính thức được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội kiến nghị Chủ tịch Quốc hội cử Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trì việc đón tiếp đoàn;

b) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội xây dựng và trình Phó Chủ tịch Quốc hội duyệt đề án chính trị, Văn phòng Quốc hội xây dựng và trình Phó Chủ tịch Quốc hội duyệt đề án lễ tân căn cứ vào đề án chính trị của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội;

c) Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trì đón tiếp, hội đàm, chiêu đãi.

3. Việc tiếp khách quốc tế được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Phó Chủ tịch Quốc hội chủ trương, thành phần tiếp khách quốc tế;

b) Căn cứ vào ý kiến của Phó Chủ tịch Quốc hội đối với tờ trình của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội triển khai phục vụ cuộc tiếp.

CHƯƠNG III
HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI, CÁC CƠ QUAN THUỘC ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI, TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI, VĂN PHÒNG QUỐC HỘI, ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI

Điều 11. Nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thực hiện quan hệ đối ngoại với cơ quan hữu quan của Quốc hội các nước, cơ quan hữu quan khác của nước ngoài, tổ chức quốc tế nhằm nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, góp phần tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế theo chính sách đối ngoại của Nhà nước;

b) Phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội thực hiện quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế; tham gia với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội triển khai công tác thông tin đối ngoại của Quốc hội;

c) Chủ động đề xuất, dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của mình;

d) Cử thành viên, công chức Vụ giúp việc tham gia hoạt động đối ngoại khi có yêu cầu;

đ) Tham gia công tác giám sát các cơ quan đại diện ngoại giao nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trực tiếp hoặc phối hợp giám sát việc thực hiện nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về người Việt Nam ở nước ngoài;

e) Trước kỳ họp Quốc hội cuối năm, gửi báo cáo công tác đối ngoại tới Ủy ban thường vụ Quốc hội, đồng gửi Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để tổng hợp và gửi Văn phòng Quốc hội để đưa lên cổng thông tin điện tử Quốc hội. Báo cáo gồm các văn bản sau đây: Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra - vào đã thực hiện trong năm *(mẫu số 01)*; Bảng tổng hợp nhân sự thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đi công tác nước ngoài trong năm *(mẫu số 02)*;Bảng tổng hợp kế hoạch đoàn ra năm tiếp theo *(mẫu số 03)*; Tổng hợp kế hoạch đoàn vào năm tiếp theo *(mẫu số 04)*; Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế *(mẫu số 05)*.

2. Đại biểu Quốc hội có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Khi được mời hoặc được yêu cầu, đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia các hoạt động đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Quốc hội, đối ngoại nhân dân ở trong nước và nước ngoài;

b) Trường hợp đại biểu Quốc hội tham gia hoạt động đối ngoại ở nước ngoài với danh nghĩa đại biểu Quốc hội thì phải có văn bản gửi Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để trình xin ý kiến của Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trong hoạt động đối ngoại

1. Thực hiện quan hệ đối ngoại với Quốc hội các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực theo sự chỉ đạo của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Quốc hội. Trong quá trình triển khai hoạt động đối ngoại cụ thể nếu thấy cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền nâng mức độ đón tiếp và lễ tân.

2. Kiến nghị các vấn đề về chính sách đối ngoại của Nhà nước, về quan hệ với Quốc hội các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực, các tổ chức quốc tế khác.

3. Chủ trì xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng công tác tại Quốc hội. Trình cấp có thẩm quyền về hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng công tác tại Quốc hội. Văn bản trình đồng thời được gửi tới Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và Bộ Ngoại giao.

4. Tổng hợp dự kiến chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định; sau đó báo cáo xin ý kiến đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị hoặc Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đối ngoại và trình Chủ tịch Quốc hội xét duyệt.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội; các chuyến đi nước ngoài của các đoàn Quốc hội; đón các đoàn Quốc hội nước ngoài thăm Việt Nam.

6. Làm đầu mối tiếp nhận và trình duyệt đề nghị của các cơ quan, tổ chức về việc các đồng chí Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, nguyên Chủ tịch Quốc hội, nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội tiếp khách quốc tế.

7. Chủ trì trình cấp có thẩm quyền và gửi Ban Đối ngoại Trung ương Đảng và Bộ Ngoại giao về các vấn đề sau đây:

a) Trình Bộ Chính trị xem xét, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Quốc hội;

b) Trình Tổng Bí thư xem xét, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh hoạt động đối ngoại của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị công tác tại Quốc hội;

c) Trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh hoạt động đối ngoại của các đồng chí Phó Chủ tịch Quốc hội;

d) Trình đồng chí Thường trực Ban Bí thư xem xét, quyết định bổ sung hoặc điều chỉnh hoạt động đối ngoại của các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng công tác tại các cơ quan thuộc Quốc hội.

8. Giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội theo dõi, xây dựng và triển khai hoạt động đối ngoại của tổ chức nghị sĩ hữu nghị Việt Nam và các nhóm nghị sĩ hữu nghị, nhóm nữ nghị sĩ, nhóm nghị sĩ trẻ.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng thư ký Quốc hội trong các hoạt động liên quan đến đối ngoại

1. Thực hiện hoạt động đối ngoại trong vai trò Tổng thư ký Quốc hội.

2. Phối hợp với các cơ quan của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về đối ngoại do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.

3. Là người phát ngôn của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động đối ngoại của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu Quốc hội.

4. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác liên quan đến đối ngoại do Chủ tịch Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội giao.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Quốc hội trong các hoạt động liên quan đến đối ngoại

1. Phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan hữu quan triển khai hoạt động đối ngoại của Quốc hội.

2. Chủ trì việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hoạt động, công tác lễ tân, an ninh, hậu cần, tài chính đảm bảo công tác hoạt động đối ngoại của Quốc hội theo đúng yêu cầu về chính trị, nội dung chuyên môn và phù hợp với các quy định chung về lễ tân của Nhà nước và của Quốc hội.

3. Tham mưu, phục vụ điều phối việc triển khai hoạt động hợp tác quốc tế nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn, tăng cường quan hệ đối ngoại thông qua việc tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề, các đoàn đi nghiên cứu, khảo sát ở nước ngoài, các khóa tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đại biểu Quốc hội, công chức của Văn phòng Quốc hội.

4. Xây dựng, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về hoạt động đối ngoại trên cổng thông tin điện tử của Quốc hội.

5. Thực hiện nhiệm vụ khác liên quan đến việc phục vụ hoạt động đối ngoại theo yêu cầu của Lãnh đạo Quốc hội.

Điều 15. Quy trình xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại

1. Tháng 10 hàng năm, dựa trên yêu cầu chuyên môn phục vụ công tác, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng kiểm toán nhà nước, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội chủ động xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại ở nước ngoài (kèm theo dự kiến số lượng thành viên đoàn) của năm tiếp theo và gửi tới Ủy ban đối ngoại của Quốc hội.

2. Ủy ban đối ngoại của Quốc hội tổng hợp, xây dựng chương trình hoạt động đối ngoại hàng năm của các cơ quan, Tổng thư ký Quốc hội và ý kiến của Ủy ban về chương trình này trình Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt. Trên cơ sở chương trình này, Văn phòng Quốc hội phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội lập dự toán ngân sách hoạt động đối ngoại để trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Đối với hoạt động đối ngoại ngoài kế hoạch hoặc điều chỉnh các hoạt động đối ngoại trong kế hoạch, các cơ quan và Tổng thư ký Quốc hội trình Chủ tịch Quốc hội xem xét, quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội. Trong Tờ trình cần nêu rõ: lý do phát sinh hoặc điều chỉnh hoạt động đối ngoại; mục đích, yêu cầu cử hoặc đón đoàn; danh nghĩa đoàn; số lượng, thành phần đoàn và cấp Trưởng đoàn; nội dung hoạt động; thời gian và địa bàn hoạt động; đối tác làm việc và mức độ quan hệ; nguồn kinh phí và các tài liệu, hồ sơ liên quan khác.

Điều 16. Quy trình triển khai hoạt động đối ngoại

1. Quy trình triển khai đoàn ra được thực hiện như sau:

a) Căn cứ Chương trình hoạt động đối ngoại đã được Ủy ban thường vụ Quốc hội phê duyệt, cơ quan tổ chức đoàn ra chủ trì phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội và Văn phòng Quốc hội triển khai thực hiện;

b) Đối với các đoàn có sự điều chỉnh về địa bàn, thời gian hoặc tăng số lượng thành viên. Cơ quan tổ chức đoàn ra phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại và Chủ tịch Quốc hội;

c) Trước khi cử các đoàn đi công tác đến các địa bàn nhạy cảm hoặc tham dự các hoạt động đối ngoại phức tạp, nhạy cảm, cơ quan chủ trì tổ chức đoàn trao đổi ý kiến với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại địa bàn trong quá trình triển khai;

d) Ủy ban đối ngoại của Quốc hội gửi công hàm, công điện cho Đại sứ quán nước sở tại tại Việt Nam và Đại sứ quán ta tại nước sở tại khẳng định thời gian, chương trình chuyến thăm;

đ) Văn phòng Quốc hội gửi công hàm, công điện liên quan đến lễ tân, hậu cần và phối hợp hướng dẫn làm các thủ tục hộ chiếu, thị thực cho đoàn. Phối hợp với cơ quan tổ chức đoàn ra lập dự trù kinh phí cho đoàn nếu được yêu cầu;

đ) Cơ quan tổ chức đoàn ra xây dựng báo cáo kết quả chuyến công tác báo cáo tới cấp có thẩm quyền theo quy định. Báo cáo đồng gửi tới Văn phòng Quốc hội để đưa lên cổng thông tin điện tử Quốc hội để thông tin đến các đối tượng có quan tâm.

2. Quy trình đón đoàn vào và tiếp khách quốc tế được thực hiện như sau:

a) Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội thông báo đề nghị của phía nước ngoài tới cơ quan liên quan của Quốc hội;

b) Đối với đoàn vào, sau khi có ý kiến đồng ý đón của cơ quan liên quan của Quốc hội, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại xem xét, quyết định chủ trương và đề án đón tiếp. Văn phòng Quốc hội xây dựng Đề án lễ tân căn cứ vào Đề án chính trị của Ủy ban đối ngoại của Quốc hội và triển khai thực hiện;

c) Đối với cuộc tiếp khách quốc tế, cơ quan liên quan của Quốc hội chủ trì, phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chuẩn bị về nội dung và phối hợp với Văn phòng Quốc hội chuẩn bị về mặt lễ tân, hậu cần để tổ chức thực hiện.

3. Đối với những hoạt động đối ngoại có tính chất thông thường, phát sinh đột xuất, có quy mô nhỏ, không nhạy cảm hoặc thời gian yêu cầu diễn ra hoạt động quá gấp như các hoạt động hiếu, hỉ; hỗ trợ giải quyết tình huống khẩn cấp; các trường hợp ra nước ngoài, đón đoàn nước ngoài vào khám chữa bệnh khẩn cấp, các cơ quan và Tổng thư ký Quốc hội thông báo với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội và tổ chức triển khai. Khi kết thúc hoạt động, cơ quan tiến hành hoạt động gửi báo cáo kết quả về Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để tổng hợp báo cáo lãnh đạo Quốc hội.

CHƯƠNG IV

TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ CỦA NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài

Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài phải tuân theo các quy định của pháp luật về ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế, về ngân sách nhà nước, về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức, về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Ban điều phối việc quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Ban điều phối gồm một số thành viên hoạt động kiêm nhiệm để giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội trong quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài tại Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội. Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại làm Trưởng ban điều phối. Văn phòng Quốc hội làm nhiệm vụ thường trực Ban điều phối.

2. Ban Điều phối có trách nhiệm giúp Ủy ban thường vụ Quốc hội điều phối và công khai việc quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài để tránh chồng chéo, trùng lắp, phát huy tối đa hiệu quả của nguồn hỗ trợ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Đề xuất yêu cầu tiếp nhận nguồn hỗ trợ phát triển của nước ngoài

1. Hàng năm, căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ và nhu cầu hợp tác quốc tế, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội đề xuất nội dung hoạt động cần có nguồn hỗ trợ của nước ngoài gửi tới Ban điều phối và Ủy ban đối ngoại của Quốc hội. Đề xuất phải nêu rõ về sự cần thiết, nội dung, lĩnh vực, phạm vi hợp tác, cách thức quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ đó.

2. Ban điều phối có trách nhiệm tổng hợp, xem xét, cân đối đảm bảo tránh chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án khác của Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội; phối hợp lấy ý kiến Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội về dự kiến nội dung hoạt động hợp tác; báo cáo Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại quyết định.

3. Căn cứ vào ý kiến của Chủ tịch Quốc hội hoặc Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội được giao nhiệm vụ chủ trì phối hợp với Ủy ban đối ngoại của Quốc hội tiến hành các thủ tục đàm phán, ký kết về việc tiếp nhận nguồn hỗ trợ.

Điều 20. Thực hiện chương trình, dự án

1. Tháng 12 hàng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội gửi báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, dự án của năm đó và định hướng chủ trương hoạt động cho năm tiếp theo về Thường trực Ban điều phối và Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để tổng hợp trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến.

2. Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội, Văn phòng Quốc hội có chương trình, dự án hỗ trợ có trách nhiệm gửi dự kiến hoạt động thuộc chương trình, dự án của mình tới Thường trực Ban điều phối và Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để tổng hợp dự kiến kế hoạch hoạt động của các chương trình, dự án đó trình Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách lĩnh vực cho ý kiến.

Điều 21. Chế độ tài chính - kế toán

1. Vốn đối ứng của dự án, chương trình hợp tác quốc tế là một khoản trong ngân sách hoạt động của Quốc hội. Chế độ chi tiêu vốn đối ứng phải tuân thủ chế độ tài chính và quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Chế độ chi tiêu tài chính của dự án được thực hiện theo thỏa thuận ký kết với bên nước ngoài và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Chế độ kế toán thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, các chuẩn mực quốc tế; báo cáo kế toán phải được kiểm toán độc lập công nhận, được gửi tới các cơ quan hữu quan của Việt Nam theo quy định trong văn kiện chương trình, dự án và pháp luật.

4. Ưu tiên áp dụng chế độ tài chính của nhà tài trợ đối với các dự án hợp tác quốc tế.

CHƯƠNG V

MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Điều 22. Thông tin về hoạt động đối ngoại

Thông tin về hoạt động đối ngoại của Quốc hội được cung cấp đến đại biểu Quốc hội theo định kỳ và được đăng tải trên các phương tiện truyền thông của Quốc hội trên cơ sở tuân thủ những quy định về công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại.

Điều 23. Quy trình tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế liên nghị viện hoặc song phương tại Việt Nam

1. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định việc đăng cai tổ chức hội nghị của các tổ chức liên nghị viện thế giới và khu vực tại Việt Nam.

2. Chủ tịch Quốc hội quyết định việc đăng cai, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế liên nghị viện hoặc song phương do Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Tổng thư ký Quốc hội chủ trì.

3. Phó Chủ tịch Quốc hội phụ trách đối ngoại quyết định việc đăng cai, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế liên nghị viện hoặc song phương do Thường trực các cơ quan của Quốc hội, lãnh đạo các cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Phó Tổng thư ký Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội chủ trì.

4. Cơ quan chủ trì phối hợp với Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội xây dựng đề án và chịu trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền. Báo cáo kết quả hội nghị, hội thảo được gửi tới Ủy ban thường vụ Quốc hội, đồng gửi Ủy ban đối ngoại của Quốc hội để theo dõi, tổng hợp và Văn phòng Quốc hội để đưa lên cổng thông tin điện tử Quốc hội.

Điều 24. Hoạt động đối ngoại tại kỳ họp Quốc hội

1. Họp báo trước và sau kỳ họp

Tổng thư ký Quốc hội chủ trì họp báo trước và sau kỳ họp để thông báo cho đoàn ngoại giao, các cơ quan thông tấn báo chí trong nước và quốc tế về chương trình, nội dung và kết quả của kỳ họp.

2. Mời Đoàn ngoại giao tham dự kỳ họp

Tổng thư ký Quốc hội - Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội mời các Đoàn ngoại giao tham dự phiên khai mạc. Tổng thư ký Quốc hội phối hợp với Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc mời Đoàn ngoại giao tham dự các phiên họp khác của Quốc hội.

3. Tổng thư ký Quốc hội trao đổi, thống nhất với Chủ nhiệm Ủy ban đối ngoại của Quốc hội trước khi báo cáo để Chủ tịch Quốc hội quyết định danh sách khách quốc tế dự thính phiên họp toàn thể của Quốc hội. Khi cần thiết Chủ tọa phiên họp giới thiệu Đoàn khách trước Quốc hội.

4. Trả lời phỏng vấn của báo chí nước ngoài, họp báo quốc tế:

Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội xem xét, đề xuất ý kiến về việc lãnh đạo Quốc hội trả lời phỏng vấn của báo chí nước ngoài, họp báo quốc tế. Đại biểu Quốc hội tự chịu trách nhiệm về việc trả lời phỏng vấn trong hoặc ngoài thời gian của kỳ họp; nếu thấy cần thiết tham khảo ý kiến của Thường trực Ủy ban đối ngoại của Quốc hội./.

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2016

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Sinh Hùng

Mẫu 01

Cơ quan/Tổ chức/Tỉnh, thành phố:…

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA - VÀO ĐÃ THỰC HIỆN NĂM…

I- ĐOÀN RA

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến nước	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Báo cáo	Loại đoàn	
											Trong KH	Ngoài KH
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1												
2												
…												

Lưu ý:

1- Tên đoàn: Đoàn của cơ quan nào, cấp nào…

2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, nghiên cứu, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ…

3- Trưởng đoàn: Ghi rõ họ tên, chức vụ của đồng chí Trưởng đoàn

4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên tham gia đoàn

5- Đến nước: Ghi đầy đủ nước (các nước) đến công tác theo lộ trình, kể cả nước quá cảnh mà phải nhập cảnh tạm thời

6- Đối tác làm việc: Ghi rõ những đối tác làm việc chính

7- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính

8- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể ngày, tháng, năm triển khai hoạt động

9- Kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào; phía đối tác chi những khoản nào

10- Báo cáo: Ghi rõ số và ngày của văn bản báo cáo kết quả hoạt động của đoàn

11, 12- Loại đoàn: Ghi rõ đoàn trong hay ngoài kế hoạch đã được duyệt

II- ĐOÀN VÀO

TT	Tên đoàn vào	Đến từ nước	Trưởng đoàn	Số người	Nội dung hoạt động	Thời gian thực hiện	Kinh phí	Báo cáo	Loại đoàn	
									Trong KH	Ngoài KH
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1										
2										
…										

Lưu ý:

1- Tên đoàn: Đoàn của nước/cơ quan/địa phương/đối tác…

2- Đến từ nước: Ghi rõ nước cử đoàn vào. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở

3- Trưởng đoàn: Ghi rõ họ tên, chức vụ của Trưởng đoàn

4- Số người: Ghi rõ số lượng khách nước ngoài vào Việt Nam

5- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính

6- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể ngày, tháng, năm triển khai hoạt động

7- Kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, kinh phí lấy từ nguồn nào

8- Báo cáo: Ghi rõ số và ngày của văn bản báo cáo kết quả đón đoàn

9, 10- Loại đoàn: Ghi rõ đoàn trong hay ngoài kế hoạch đã được duyệt

Mẫu 02

BẢNG TỔNG HỢP VIỆC ĐI NƯỚC NGOÀI NĂM...
CỦA CÁN BỘ THUỘC DIỆN BỘ CHÍNH TRỊ/BAN BÍ THƯ QUẢN LÝ

TT	Họ tên	Chức vụ	Đến nước	Nội dung hoạt động	Thời gian đi	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1						
2						
...						

Ghi chú:

1- Họ tên: Ghi đầy đủ họ tên của cán bộ

2- Chức vụ: Ghi đầy đủ chức danh đảng và chức vụ chính quyền

3- Đến nước: nước (các nước) đến công tác

4- Nội dung hoạt động: Ghi tóm tắt những nội dung hoạt động chính

5- Thời gian đi: Ghi cụ thể đến ngày

Mẫu 03

Cơ quan/Tổ chức/Tỉnh, thành phố:…

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN RA NĂM…

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến nước	Đối tác làm việc	Nội dung hoạt động	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1											
2											
…											

Ghi chú:

1- Tên đoàn: Đoàn của cơ quan nào, cấp nào…

2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, nghiên cứu, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ…

3- Trưởng đoàn: Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến

4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên dự kiến tham gia đoàn

5- Đến nước: Ghi nước (các nước) đến công tác theo lộ trình, kể cả nước quá cảnh mà phải nhập cảnh tạm thời

6- Đối tác làm việc: Ghi rõ những đối tác chính làm việc

7- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính

8- Số ngày: Tổng thời gian chuyến đi, kể cả thời gian đi, về và quá cảnh

9- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể đến tháng

10- Nguồn kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, phía đối tác chi những khoản nào và kinh phí lấy từ nguồn nào (Ngân sách Đảng, ngân sách Nhà nước, ngân sách thường xuyên của cơ quan, tổ chức, địa phương; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước…)

Mẫu 04

Cơ quan/Tổ chức/Tỉnh, thành phố:…

BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐOÀN VÀO NĂM…

TT	Tên đoàn	Danh nghĩa đoàn	Trưởng đoàn	Số thành viên	Đến từ nước	Nội dung hoạt động	Số ngày	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Ghi chú
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1										
2										
…										

Ghi chú:

1- Tên đoàn: Đoàn của nước/cơ quan/tổ chức/địa phương nào

2- Danh nghĩa đoàn: Ghi rõ là đoàn đối ngoại, thăm nội bộ, đào tạo, nghiệp vụ…

3- Trưởng đoàn: Ghi rõ cấp Trưởng đoàn dự kiến

4- Số thành viên: Ghi rõ số lượng thành viên dự kiến tham gia đoàn

5- Đến từ nước: Ghi rõ nước cử đoàn vào. Trường hợp đoàn vào thuộc tổ chức quốc tế thì ghi rõ nước đặt trụ sở

6- Nội dung hoạt động: Những nội dung làm việc chính

7- Số ngày: Tổng số ngày ở Việt Nam (không tính thời gian đi, về của đoàn vào)

8- Thời gian thực hiện: Ghi cụ thể đến tháng

9- Nguồn kinh phí: Ghi cụ thể phía Việt Nam chi những khoản nào, phía đối tác chi những khoản nào và kinh phí lấy từ nguồn nào (Ngân sách Đảng, ngân sách Nhà nước, ngân sách thường xuyên của cơ quan, tổ chức, địa phương; nước ngoài đài thọ; tài trợ của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước…)

Mẫu 05

BÁO CÁO
Kết quả hội nghị, hội thảo quốc tế

I. Thông tin chung về hội nghị, hội thảo

1. Tên hội nghị, hội thảo

2. Mục đích hội nghị, hội thảo

3. Nội dung, chương trình của hội nghị, hội thảo

4. Thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị, hội thảo

5. Người chủ trì và đồng chủ trì (nếu có)

6. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức (phía Việt Nam và phía nước ngoài)

7. Thông tin về báo cáo viên người nước ngoài

8. Thành phần tham dự, số lượng, cơ cấu thành phần đại biểu Việt Nam và đại biểu có quốc tịch nước ngoài

9. Nguồn kinh phí

II. Kết quả hội nghị, hội thảo

1. Kết quả hội nghị, hội thảo

2. Đánh giá ưu điểm, hạn chế

3. Những vướng mắc, vấn đề phát sinh trong hội nghị, hội thảo đã hoặc chưa được xử lý (nếu có)

4. Các văn bản, tuyên bố được ký kết hoặc đưa ra tại hội nghị, hội thảo (nếu có)

III. Đề xuất, kiến nghị (nếu có)